TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:560/2023/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 31 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 689/2023/TLST-VDS ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Trần Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Số 16/23 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 306 ngày 28/10/2003, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 365 ngày 28/10/2003. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà B là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông H và bà B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm H, sinh ngày 22/11/2002 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 30/12/2004, các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà B và ông H thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị B mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (21/7/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm H, sinh ngày 22/11/2002 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 30/12/2004, các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị B mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0004856 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- UBND dân xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Võ Thị Thu Thảo